TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2020/HC-PT
Ngày 13 tháng 10 năm 2020
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành
Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 298/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2020 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính "*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1800/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3541/2020/QĐPT - HC ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974 – Vắng mặt.

Trú tại: Căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302), số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Huyền T[1], sinh năm 1981; Địa chỉ: 144 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020) – Có mặt;

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H;

Địa chỉ: Số 18 Đoàn Như Hài, Phường 12, Quận 4, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Thanh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4 (Văn bản ủy quyền số 1665/GUQ ngày 20/8/2020) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Ngọc T[2], Phó Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận 4 (Có mặt);
- Ông Trần Minh K, Chuyên viên phụ trách Dự án đầu tư xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4 (Có mặt);

Cùng địa chỉ số 18 Đoàn Như Hài, Phường 12, Quận 4, Thành phố H;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Huyền T[1]; Trú tại: Căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302), số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H – Có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T và lời khai tiếp theo của người đại diện trình bày:

Ủy ban nhân dân Quận 4 đã ban hành: Quyết định số 748/QĐ-UBND-TH ngày 19/5/2010 thu hồi căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302), số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H của ông Phạm Văn T; Bảng chi tiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ số 24/DSDC ngày 17/7/2015; Quyết định số 3686/QĐ-UBND-TH ngày 31/12/2015 điều chỉnh Quyết định 748 diện tích sàn sử dụng từ 34,4 m^2 lên thành 46,47 m^2.

Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 (Viết tắt Quyết định 253) thì tổng số tiền ông T được nhận là 347.183.000 đồng. Nếu nhận căn hộ tái định cư thì bố trí căn nhà số 201, Chung cư 120/26 Bis Bến Vân Đồn, Phường 9, Quận 4 trị giá 611.975.000 đồng.

Đến ngày 21/11/2017, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK (Viết tắt Quyết định 3628) điều chỉnh Điều I Quyết định 253 bồi thường bổ sung, tăng diện tích bồi thường theo thực tế sử dụng 48 m^2.

Ông Phạm Văn T không đồng ý các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 4 vì đã không thực hiện thủ tục thẩm định giá thị trường tại thời điểm ban hành bảng chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ; trái với Phương án số 1808/PA-UBND ngày 03/7/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 4, trái quy định Luật đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định căn hộ của ông T thuộc diện nhà ở có nguồn gốc do các cơ quan, tổ chức bố trí để ở sai thẩm quyền, sai công năng và trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định 61 là không đúng quy định vì khi được cấp căn hộ thì ông T đã hoàn trả chi phí xây dựng căn hộ cho Xí nghiệp từ năm 1995 theo Phiếu thu tiền số 06/SDCB ngày 25/5/1995 và Xí nghiệp Giao nhận kho vận Rau quả cổ phần hóa vào năm 2001 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả nên đã xử lý tài sản trên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên ông T không thuộc trường hợp phải mua hóa giá nhà theo Nghị định 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân Quận 4 đền bù theo giá đất trong hẻm là không đúng thực tế vị trí nhà ông ở mặt tiền đường.

Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 253 và Quyết định số 3628 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 4 trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến được thực hiện theo Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ông Phạm Văn T có căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302), số 33 Bến Vân Đồn bị ảnh hưởng bởi Dự án. Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành các quyết định: Quyết định số 743/QĐ-UBND-TH ngày 19/5/2010 thu hồi căn hộ nêu trên của ông T; Quyết định số 1102/QĐ-UBND-TH ngày 13/8/2010 phê duyệt Phương án số 66/PA-UBND về bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại thời điểm có hiệu lực của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Căn hộ của ông T thuộc trường hợp nhà ở có nguồn gốc do các đơn vị, tổ chức bố trí để ở sai thẩm quyền, sai công năng, chưa có chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tại khoản 2 khoản 8 Điều 24 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì ông T được hỗ trợ 60% giá trị nhà đất. Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận 4 đã kiến nghị đến Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đối với 25 trường hợp (trong đó có hộ ông T) được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị nhà đất, nhưng phải trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định 61/CP.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND-TH ngày 15/7/2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh khoản 3 Điều 11 và bổ sung Điều 19 Phương án số 66/PA-UBND ngày 12/8/2010.

Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 đối với hộ ông T được bố trí căn hộ tái định cư số 201, Chung cư 120/26 Bis Bến Vân Đồn, Phường 9, Quận 4, diện tích 34,97 m^2, đơn giá 17.500.000 đồng/m^2, trị giá 611.975.000 đồng. Nếu ông T không nhận căn hộ tái định cư thì được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi trừ tiền hóa giá nhà là 347.182.800 đồng (481.790.000 đồng – 134.607.200 đồng).

Ngày 21/11/2017, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK (Viết tắt Quyết định 3628) điều chỉnh diện tích bồi thường theo thực tế sử dụng 48 m^2. Ông T không còn khiếu nại về diện tích.

Về nguồn gốc sử dụng:

Khối nhà 4 tầng và 02 tầng tọa lạc tại 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 thuộc Bằng khoán số 992, 993, 994, 1009, 1010 do Tổng Nha Điền Địa cấp ghi trong sổ Điền Thổ Sài Gòn –Khánh Hội, Quyển số 4.

Bằng khoán số 992, 993, 1009, 1010 thuộc quyền sở hữu của bà Thái Thị Cầm thế chấp cho Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Ngày 04/11/1977, Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H có văn bản số 1151 RQ/KTCB đề nghị được thanh toán phí tổn và nợ của bà Cầm để được sử dụng nhà thế chấp, được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản số 1343/KTKS ngày 15/11/1977 chấp thuận. Ngày 31/12/1977, bà Cầm viết giấy cam kết giao nhà đất 33 Bến Vân Đồn cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H sử dụng vào công ích Nhà nước.

Bằng khoán số 994 được ông Thái Sái Khanh lập giấy chuyển nhượng cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H ngày 30/11/1977.

Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy phép xây dựng số 306/GPXD ngày 01/7/1987 cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H xây dựng Trạm kho giao nhận hàng rau quả xuất khẩu trên thửa đất thuộc các Bằng khoán số 992, 993, 994, 1009, 1010 Bến Vân Đồn. Đến ngày 03/02/1990 Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố Hồ Chí Minh bàn giao công trình 33 Bến Vân Đồn cho Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam theo Biên bản bàn giao số 37/QLCT-KH và Biên bản số 40/QLCT-BB ngày 03/02/1990 thể hiện: Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố H giao cho Chi nhánh gồm Tầng 1, 2, 4 và sân thượng. Tầng 3 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý công trình. Ngày 05/11/1991, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm có văn bản số 1697/NN-KH/CV cho phép Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam và Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố H được tạm sử dụng nhà 33 Bến Vân Đồn (Tầng 3, phần góp vốn đầu tư trong ngôi nhà 4 tầng) thành nhà ở để giải quyết chỗ ở cho cán bộ biên chế trong Ban chưa có nhà ở.

Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam – Xí nghiệp Giao nhận Kho vận Rau Quả có Quyết định số 471/GN-QĐ ngày 15/5/1995 cấp căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302) cho bà Vũ Tường V. Ngày 25/01/2002 bà V bán căn hộ này lại cho ông Phạm Văn T theo hợp đồng mua bán nhà không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và ông T sử dụng căn hộ đến nay.

Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định nhà đất số 33 Bến Vân Đồn có nguồn gốc là nhà làm việc thuộc sở hữu Nhà nước nhưng các đơn vị, tổ chức đã chuyển đổi thành nhà ở cấp cho cá nhân để thu tiền là sai thẩm quyền, sai công năng.

Về diện tích căn hộ: Quyết định số 471/GN-QĐ ngày 15/5/1995 cấp căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302) cho bà Vũ Tường V thể hiện rõ diện tích 34,40 m^2 (không tính diện tích hành lang làm lối đi công cộng). Đo đạc thực tế bản vẽ hiện trạng 2015 thì diện tích xây dựng 41,82 m^2, diện tích sử dụng 46,47 m^2. Xác minh thực tế và đối chiếu Quyết định 471 thì diện tích sử dụng là 34,40 m^2, diện tích 12,07 m^2 (46,47 m^2 - 34,40 m^2) là hành lang lối đi chung. Căn hộ của ông T được tính diện tích 34,40 m^2 là đúng quy định điểm c khoản 4 Điều 24 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Về đơn giá bồi thường: Dự án này được thực hiện theo Phương án số 66/PA-UBND được phê duyệt bởi Quyết định số 1102/QĐ-UBND-TH ngày 13/8/2010 trên cơ sở đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ theo Công văn số 837/UBND-ĐT ngày 26/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Phương án 1808/PA-UBND ngày 03/7/2015 có nội dung điều chỉnh khoản 3 Điều 11 và bổ sung Điều 19 của Phương án số 66/PA-UBND, không phải thay đổi phương án bồi thường. Do đó, nội dung yêu cầu xác định lại giá thị trường thực tế đối với 25 trường hợp trong đó có ông T tại thời điểm ban hành Phương án số 1808/PA-UBND là không có cơ sở giải quyết.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân Quận 4 nhận thấy việc ban hành Quyết định số 253 và Quyết định số 3628 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung các quyết định trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1800/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Các điều luật đã viện dẫn trong bản án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện, hủy Điều 1 Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và hủy Điều 1 Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK ngày 21/11/2017 về việc hỗ trợ số tiền di chuyển. Buộc Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H hỗ trợ di chuyển đúng số tiền 6.000.000 đồng theo Phương án 66/PA/2010 cho hộ ông Phạm Văn T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2019, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 253 và Quyết định số 3628.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện của ông Phạm Văn T (và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 253 và Quyết định số 3628 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 4 không tranh luận gì với người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ông Phạm Văn T nộp đơn kháng cáo vào ngày 03/12/2019 là còn trong thời hạn luật định, nhưng đến ngày 25/12/2019 Tòa án cấp sơ thẩm mới có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí quy định ông T nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí trong thời hạn 10 ngày. Do vậy, ngày 03/01/2020 ông T nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí là còn trong hạn. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Các quyết định hành chính bị khởi kiện thuộc lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 5 Điều 75 Luật Nhà ở năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại các điều 3, 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1.3. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính và mục 5 phần V Hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao: *"Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện"*. Do đó, để xem xét tính hợp pháp đối với quyết định hành chính bị khởi kiện trong vụ án này thì cần phải xem xét tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan mà không phụ thuộc vào việc quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nguồn gốc nhà đất:

2.1. Căn cứ các văn bản gồm: Công văn số 1343/KTKS ngày 15/11/1977 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy phép xây dựng số 306/GPXD-87 ngày 01/7/1987 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Công văn số 1697/NN-KN/CV ngày 05/11/1991 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm; Quyết định số 471/GN-QĐ ngày 15/5/1995 của Giám đốc Xí nghiệp Giao nhận Kho vận Rau Quả; Hợp đồng mua bán nhà ngày 25/01/2002; Công văn số 390/CRQ-2016 ngày 20/6/2016 của Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả; Công văn số 40/RQNS/CV ngày 02/5/2018 của Tổng Công ty Rau Quả, Nông Sản – Công ty Cổ phần; Công văn số 3062/STC-CS ngày 19/4/2017 của Sở Tài chính Thành phố H và Công văn số 854/TCDN-CN ngày 06/7/2017 của Chi cục Quản lý tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố H thì có căn cứ để xác định nhà đất số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H có nguồn gốc là của Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam chi nhánh Thành phố H thanh toán nợ thay để nhận đất của bà Thái Thị Cầm và nhận chuyển nhượng thêm phần đất của ông Thái Sái Khanh, được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy phép xây dựng thành khu nhà 33 Bến Vân Đồn như hiện nay. Đến năm 1991, được Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chủ trương phân phối một số phòng cho cán bộ công nhân viên để làm chỗ ở nên vào ngày 15/5/1995

Xí nghiệp Giao nhận Kho vận Rau Quả đã bán cho bà Vũ Tường V căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302) trong tòa nhà 33 Bến Vân Đồn, đã thanh toán tiền nhà xong và quản lý sử dụng căn hộ cho đến ngày 25/01/2002 thì bà V bán căn hộ lại cho ông Phạm Văn T quản lý sử dụng đến nay. Hiện nay, tòa nhà 33 Bến Vân Đồn không nằm trong danh sách nhà đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, cũng không nằm trong danh sách tài sản của Tổng Công ty Rau Quả Nông Sản-Công ty Cổ phần; đồng thời Công ty Cổ phần Rau Quả không thuộc đối tượng xử lý theo Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:"*Trường hợp đất có nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong đó có một phần diện tích sàn nhà chung cư được sử dụng làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ thì mục đích sử dụng chính của phần diện tích đất xây dựng nhà chung cư được xác định là đất ở"* (khoản 4 Điều 3); "*Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, hoặc từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao"* (Điều 23).

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định căn hộ số 2 lầu 3 (Phòng 302), số 33 Bến Vân Đồn của ông Phạm Văn T có nguồn gốc là nhà làm việc thuộc sở hữu Nhà nước nhưng các đơn vị, tổ chức đã chuyển đổi thành nhà ở cấp cho cá nhân để thu tiền sai thẩm quyền, sai công năng là không đúng quy định của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã viện dẫn trên.

[3] Từ việc xác định không đúng nguồn gốc nhà đất như đã nêu tại mục [2] nên Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4 thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ nhà đất số 33 Phòng số 2 (lầu 3) Bến Vân Đồn có khấu trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng nhà đất bị thu hồi. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[4] Về án phí:

4.1. Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại:

Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân Quận 4 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

4.2. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Điều 193 Luật tố tụng hành chính quy định Tòa án chỉ có thẩm quyền buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã ấn định số tiền cụ thể để buộc Ủy ban nhân dân Quận 4 phải thực hiện là không đúng, nhưng do các quyết định bị khởi kiện đã bị hủy nên chỉ rút kinh nghiệm là đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1800/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Hủy Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ nhà đất số 33 Phòng số 2 (lầu 3) Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 (thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4) do ông Phạm Văn T đứng tên sử dụng trong dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4.

Hủy Quyết định số 3628/QĐ-UBND-NK ngày 21/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H về điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 253/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ nhà đất số 33 Phòng số 2 (lầu 3) Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 (thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4) do ông Phạm Văn T đứng tên sử dụng trong dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4.

2.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0033934 ngày 31/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số AA/2019/0045375 ngày 03/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKSND TP. H;
- Cục THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công